

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM MEDICINAL PLANTSDEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110030007

3. Ngày thành lập: 14/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6 Tòa nhà MD Complex (Khối Văn Phòng), số 68 Nguyễn Cơ Thạch, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932271889

Fax:

Email: duoclieuvn22@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống (loại trừ các hoạt động bị Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 8, Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP)	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Kinh doanh dược (Mục I – Nghị định số 54/2017/NĐ-CP)	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế (Mục 1 – Chương VI Nghị định số 98/2021/NĐ-CP)	4659
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu	4662

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
11.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm (loại trừ các loại cây bị nhà nước cấm)	0119
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128(Chính)
13.	Trồng cây lâu năm khác	0129
14.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
15.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại tự nhiên; Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên (loại trừ các hoạt động bị nhà nước cấm)	0232
17.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
18.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh (Điều 68 Luật Khám bệnh, chữa bệnh)	8699
19.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình)	9610
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản)	6810
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	7020
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
23.	Quảng cáo	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ các loại bị Nhà nước cấm	4690
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
30.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073

31.	Sản xuất chè	1076
32.	Sản xuất cà phê	1077
33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
34.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
35.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất hóa chất (Điều 9 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP)	2011
36.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón (Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)	2012
37.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
38.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Loại trừ các loại bị Nhà nước cấm	2021
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Loại trừ các hoạt động bị Nhà nước cấm	2023
40.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Loại trừ các loại bị Nhà nước cấm	2029
41.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc (Điều 33, Điều 34 Luật Dược)	2100
42.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
43.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Ngoại trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet	4791
44.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Ngoại trừ hoạt động đấu giá	4799
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
46.	Bốc xếp hàng hóa Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	5224
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Loại trừ hoạt động hàng không	5229
48.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế (Điều 8, 9, 10, 11 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP)	3250
49.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

50.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Ngoại trừ: Bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu	4773
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU GIANG	Thôn Hoa Thám, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0141860002 85	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

2	PHẠM QUỐC KHÁNH	Số 117 Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.000	290.000.000	29,000	001078047182	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	29.000	290.000.000	29,000		
3	NGUYỄN ĐỨC HỮU	Số 99 Ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	510.000.000	51,000	001073000148	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	51.000	510.000.000	51,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HỮU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/06/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001073000148

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 99 Ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 99 Ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội